

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẤT VIỆT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ PHỤ TÙNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẤT VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAT VIET SPARE PARTS AND TECHNICAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108420296

3. Ngày thành lập: 04/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

P507, Tòa nhà Công ty Cổ phần Thủy Sản Hà Nội, Số 20 Láng Hạ,, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985775555

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
2.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
3.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa - Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299(Chính)
6.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
7.	Điều hành tua du lịch	7912
8.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
9.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
10.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng - Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410

11.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.	5629
12.	Cho thuê xe có động cơ - Chi tiết: Cho thuê ô tô	7710
13.	Xây dựng nhà để ở	4101
14.	Xây dựng nhà không để ở	4102
15.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
18.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ hoạt động kinh doanh bất động sản)	5210
19.	Xây dựng công trình điện	4221
20.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
21.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
22.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
24.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
25.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
27.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
28.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
29.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
30.	Quảng cáo	7310
31.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Xây dựng công trình thủy	4291
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

36.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
37.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
38.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Dịch vụ phòng trừ các sinh vật gây hại: Ruồi, muỗi, kiến, gián, mối, mọt và chuột; Dịch vụ khử trùng bảo quản hàng hóa trong nước; Tư vấn về môi trường; Tư vấn, thiết kế: Phòng chống mối, côn trùng gây hại cho công trình xây dựng và bảo quản lâm sản; Xông hơi khử trùng: Vật thể xuất nhập khẩu và phương tiện chuyên chở.	7490
39.	Bán buôn thực phẩm	4632
40.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
41.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
42.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
43.	Phá dỡ	4311
44.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
45.	Đại lý du lịch	7911

6. Vốn điều lệ: 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG ANH	P21, Nhà C, Tập thể Cao su đường sắt, ngõ 29, Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	135.000	1.350.000.000	30,000	0010800082 38	
			Tổng số	135.000	1.350.000.000	30,000		
2	NGUYỄN AN VINH	Nhà 4, BT 21, Tập thể Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	135.000	1.350.000.000	30,000	0310790006 35	
			Tổng số	135.000	1.350.000.000	30,000		

3	NGUYỄN HỮU NAM	P111, K19, tập thể Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	40,000	001078018226	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/04/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001078018226

Ngày cấp: 04/05/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P111, K19, tập thể Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P111, K19, tập thể Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội